

**BẢN TIN DỰ BÁO, CẢNH BÁO THỦY VĂN THỜI HẠN VỮA**  
(Từ ngày 21 đến 30/04/ 2026)

**1. Lưu vực sông Hồng**

**a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua**

- Sông Thao: Trong 10 ngày qua, mực nước trên sông Thao biến đổi chậm. Mực nước tại trạm Yên Bái, trạm Phú Thọ ngày 16/4/2026 xuống thấp nhất trong chuỗi số liệu quan trắc (xuất hiện giá trị thấp nhất lịch sử).

- Sông Lô: Mực nước trên sông Lô dao động và chịu ảnh hưởng của điều tiết thủy điện tuyến trên.

- Sông Đà: Dòng chảy đến hồ Hòa Bình dao động theo điều tiết của thủy điện Sơn La.

- Sông Hồng: Mực nước hạ lưu sông Hồng tại trạm Hà Nội biến đổi chậm chịu ảnh hưởng điều tiết các thủy điện tuyến trên và chịu ảnh hưởng của thủy triều.

**b. Dự báo, cảnh báo**

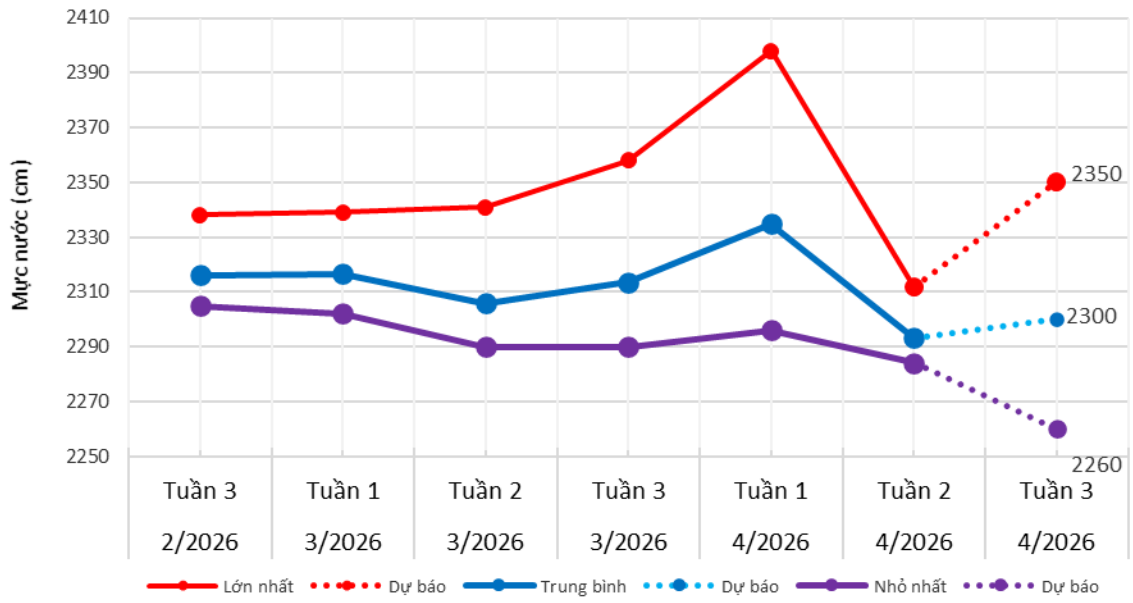
- Sông Thao: Trong 10 ngày tới, mực nước trên sông Thao tiếp tục biến đổi chậm.

- Sông Lô: Mực nước trên sông Lô sẽ tiếp tục chịu ảnh hưởng của điều tiết thủy điện tuyến trên.

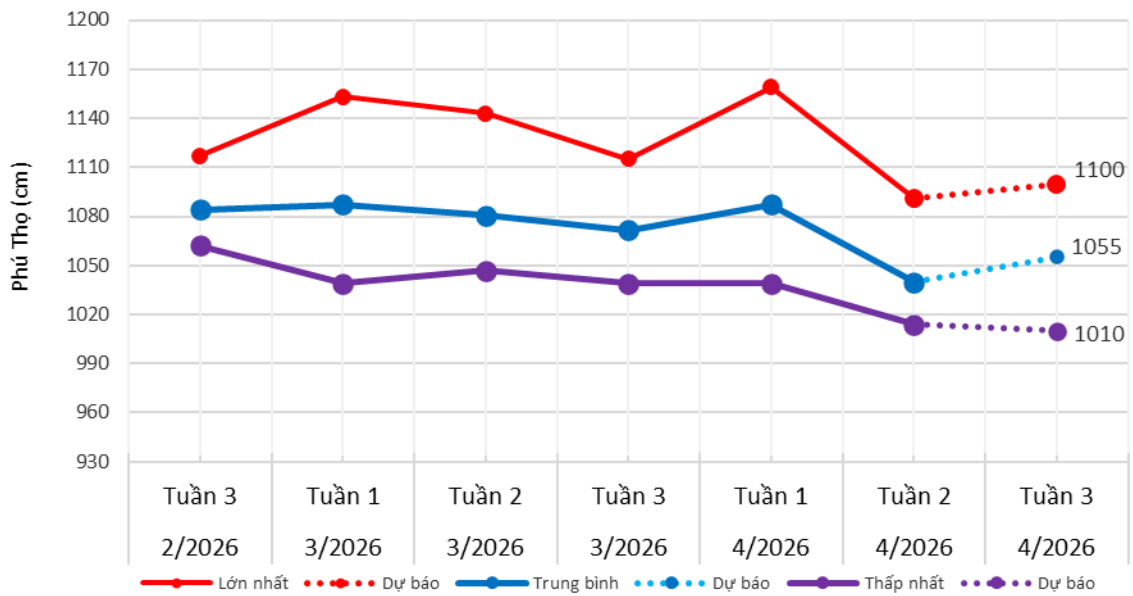
- Sông Đà: Dòng chảy đến hồ Hòa Bình dao động theo điều tiết của thủy điện Sơn La.

- Sông Hồng: Mực nước hạ lưu sông Hồng tại trạm Hà Nội tiếp tục biến đổi chậm và chịu ảnh hưởng mạnh của thủy triều.

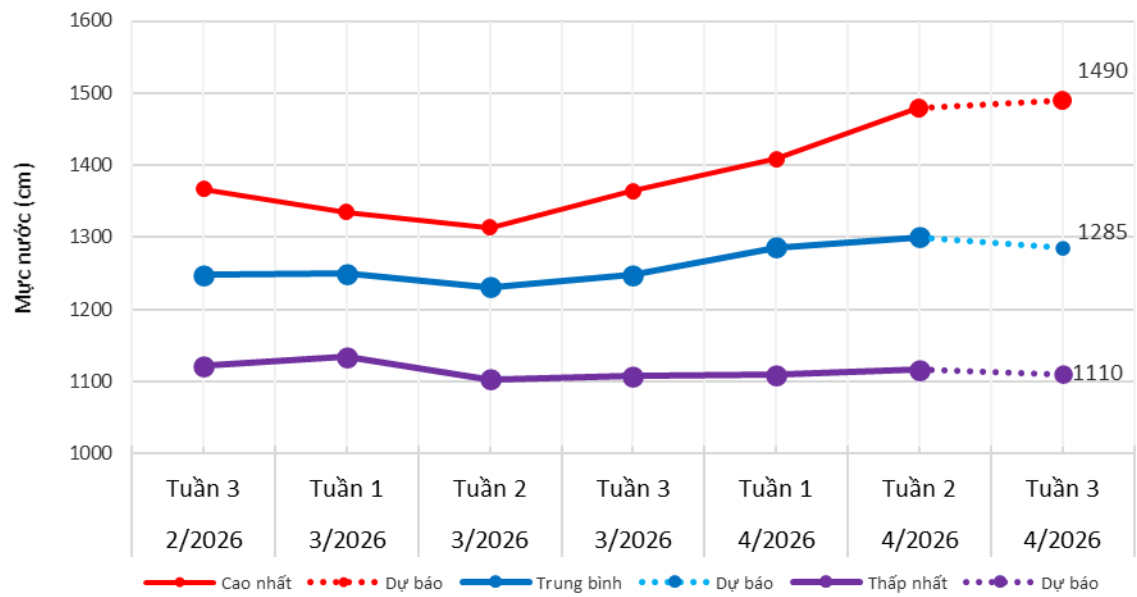
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỨC NƯỚC THỰC ĐO VÀ TÍNH TOÁN TRẠM YÊN BÁI (SÔNG THAO)



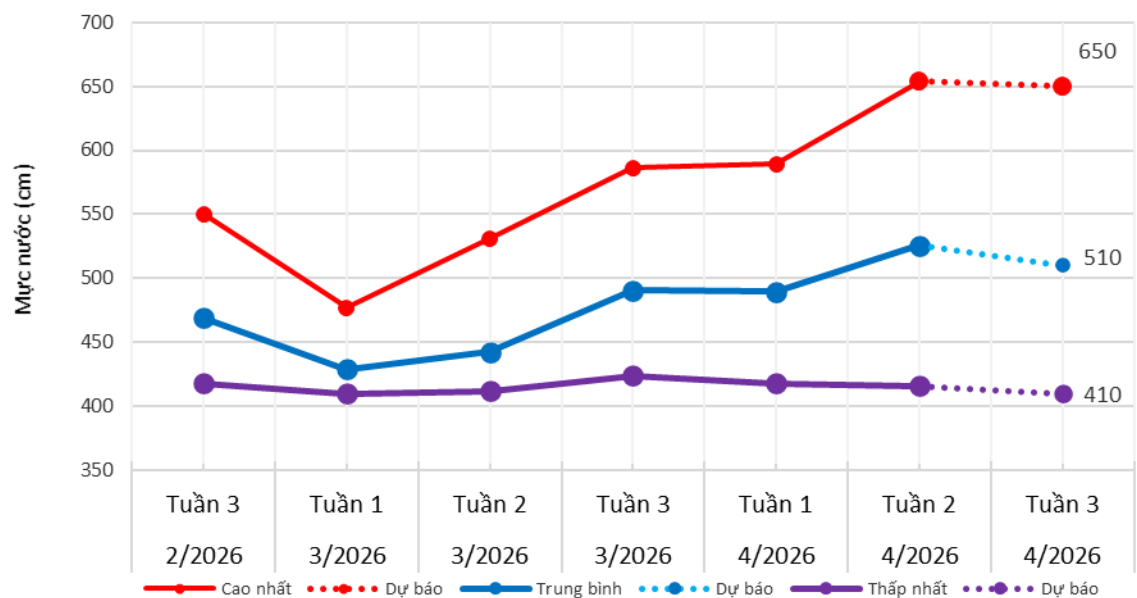
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỨC NƯỚC THỰC ĐO VÀ TÍNH TOÁN TRẠM PHÚ THỌ (SÔNG THAO)

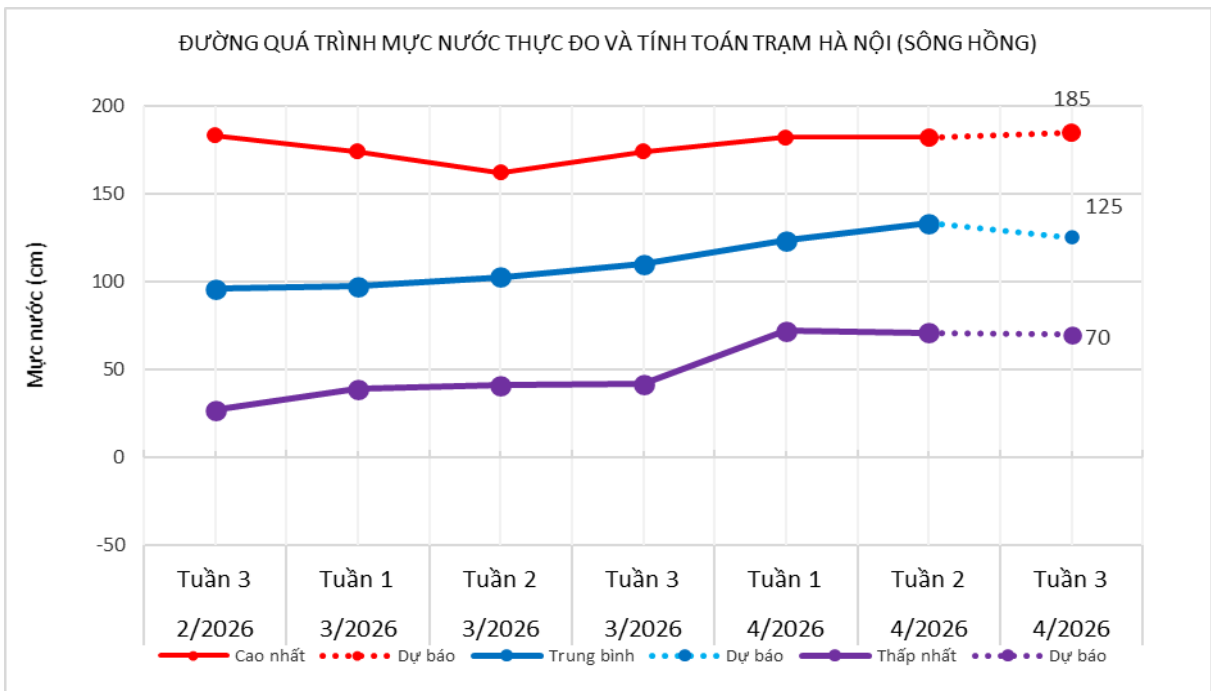
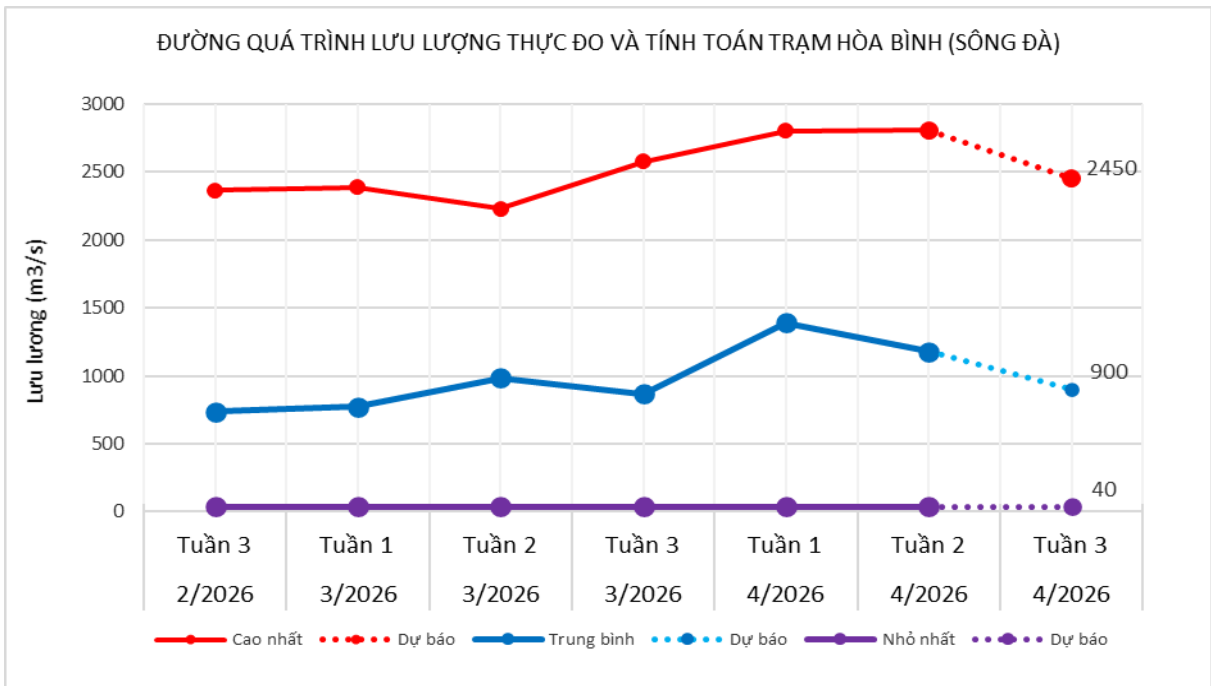


ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỨC NƯỚC THỰC ĐO VÀ TÍNH TOÁN TRẠM TUYẾN QUANG (SÔNG LÔ)



ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỨC NƯỚC THỰC ĐO VÀ TÍNH TOÁN TRẠM VỤ QUANG (SÔNG LÔ)





## 2. Lưu vực sông Thái Bình

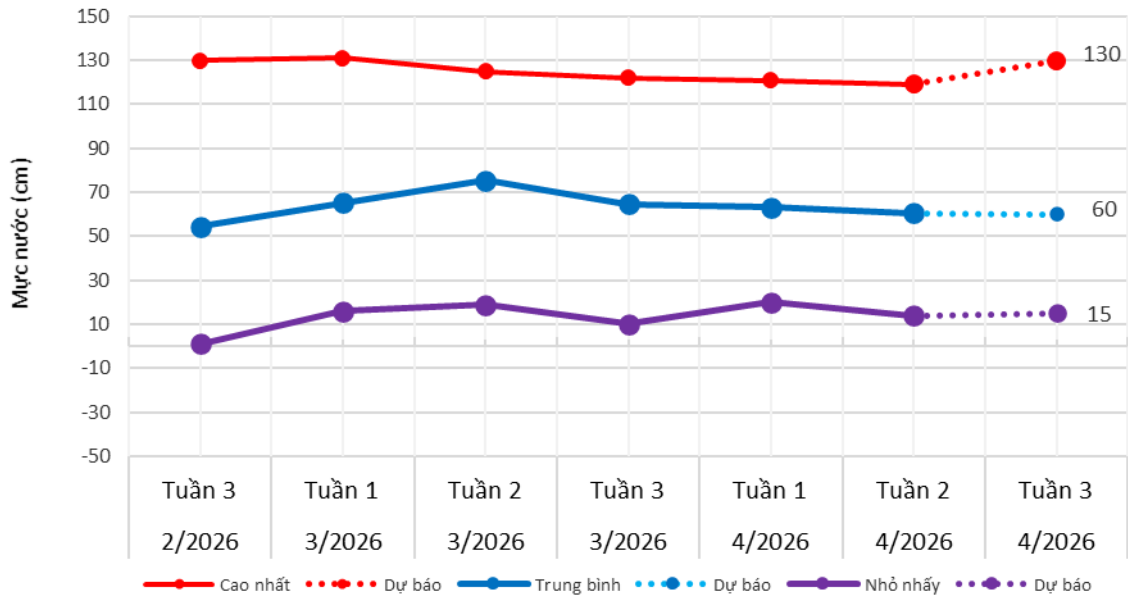
### a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

- Trong 10 ngày qua, trên thượng lưu và trung lưu sông Cầu, sông Thương và sông Lục Nam, mực nước biến đổi chậm; ở hạ lưu các sông chịu ảnh hưởng của thủy triều. Mực nước sông Thái Bình tại Phả Lại dao động theo thủy triều.

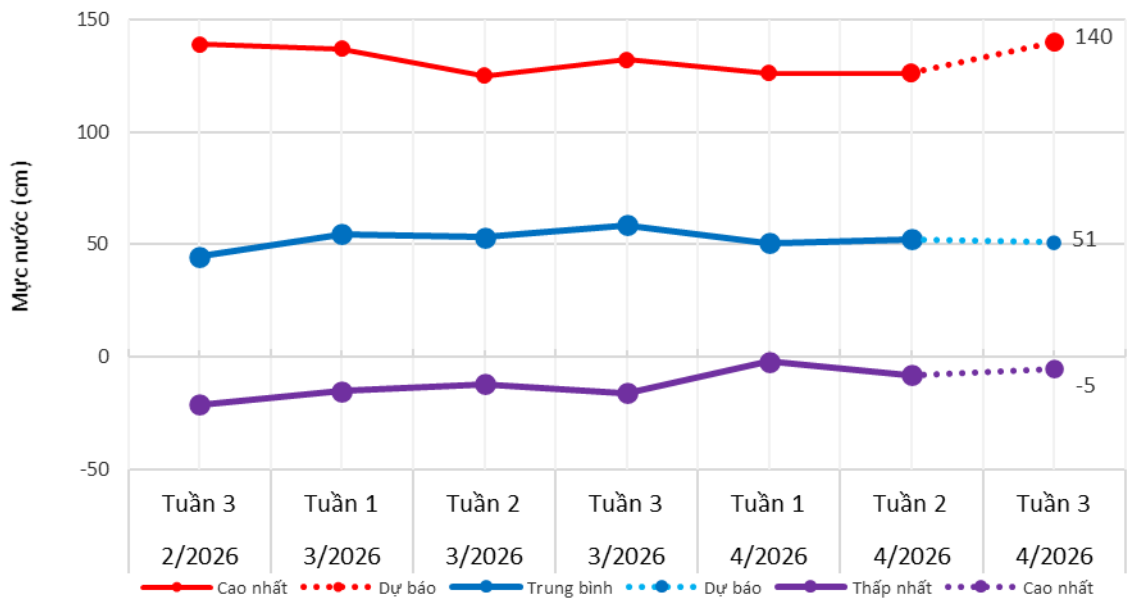
### b. Dự báo, cảnh báo

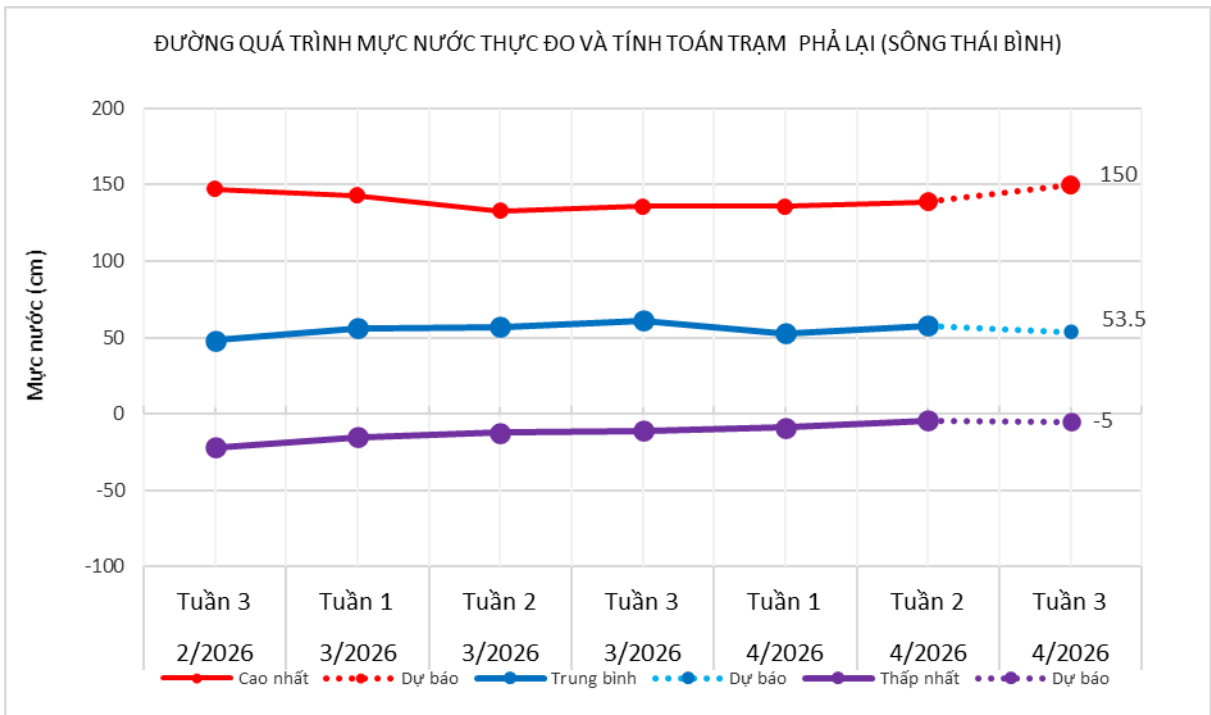
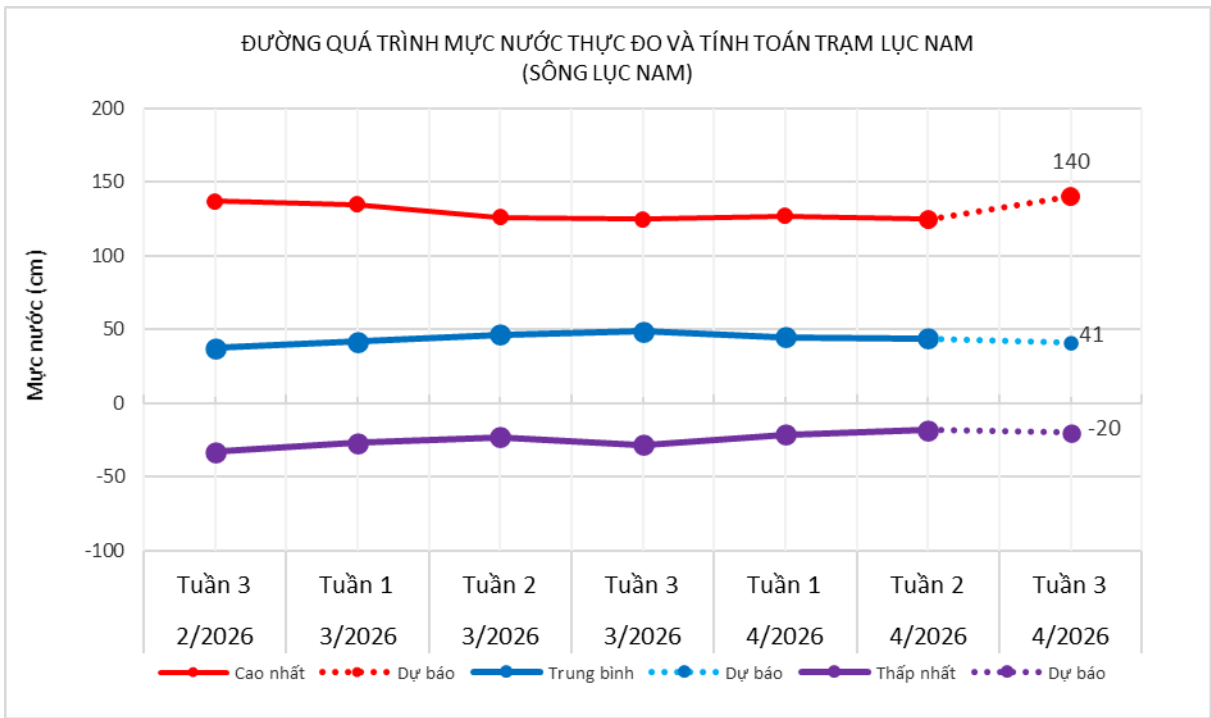
- Trong 10 ngày tới, mực nước ở thượng lưu và trung lưu các sông thuộc hệ thống sông Thái Bình tiếp tục biến đổi chậm, hạ lưu chịu ảnh hưởng của thủy triều. Mực nước sông Thái Bình tại Phả Lại tiếp tục dao động chịu ảnh hưởng của thủy triều.

ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỨC NƯỚC THỰC ĐO VÀ TÍNH TOÁN TRẠM ĐÁP CẦU (SÔNG CẦU)



ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỨC NƯỚC THỰC ĐO VÀ TÍNH TOÁN TRẠM PHỦ LẠNG THƯƠNG (SÔNG THƯƠNG)





### 3. Các lưu vực sông thuộc khu vực Bắc Trung Bộ

#### a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

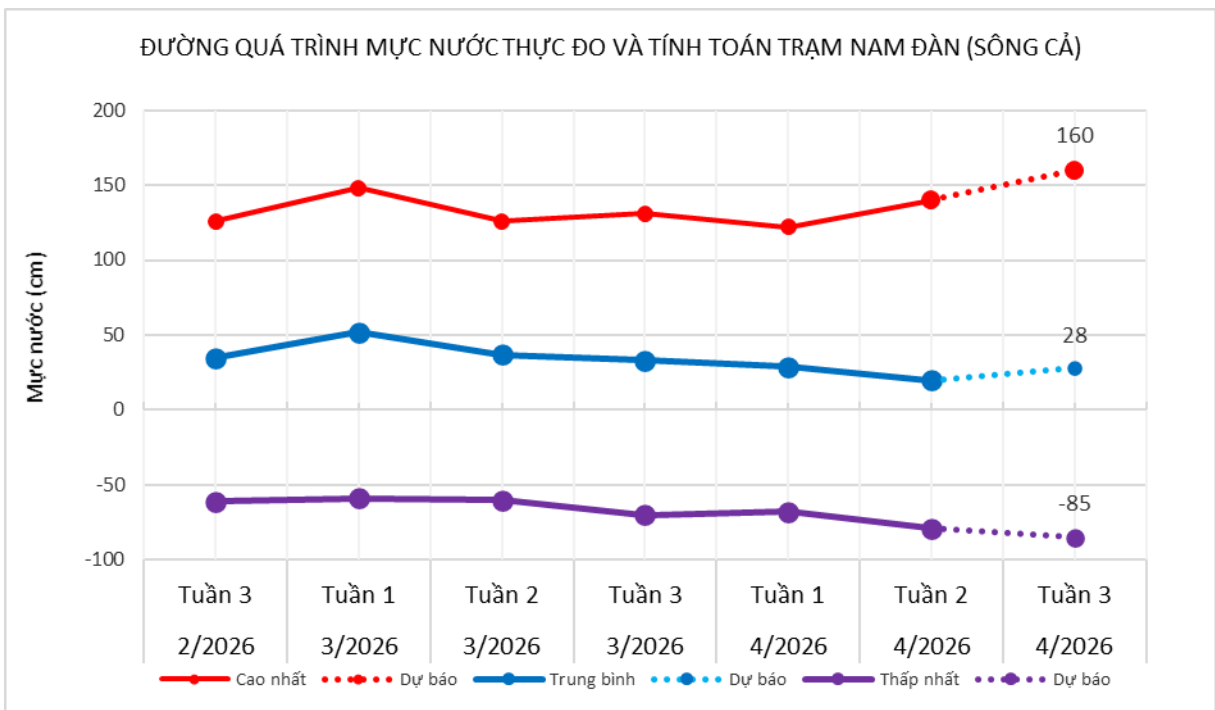
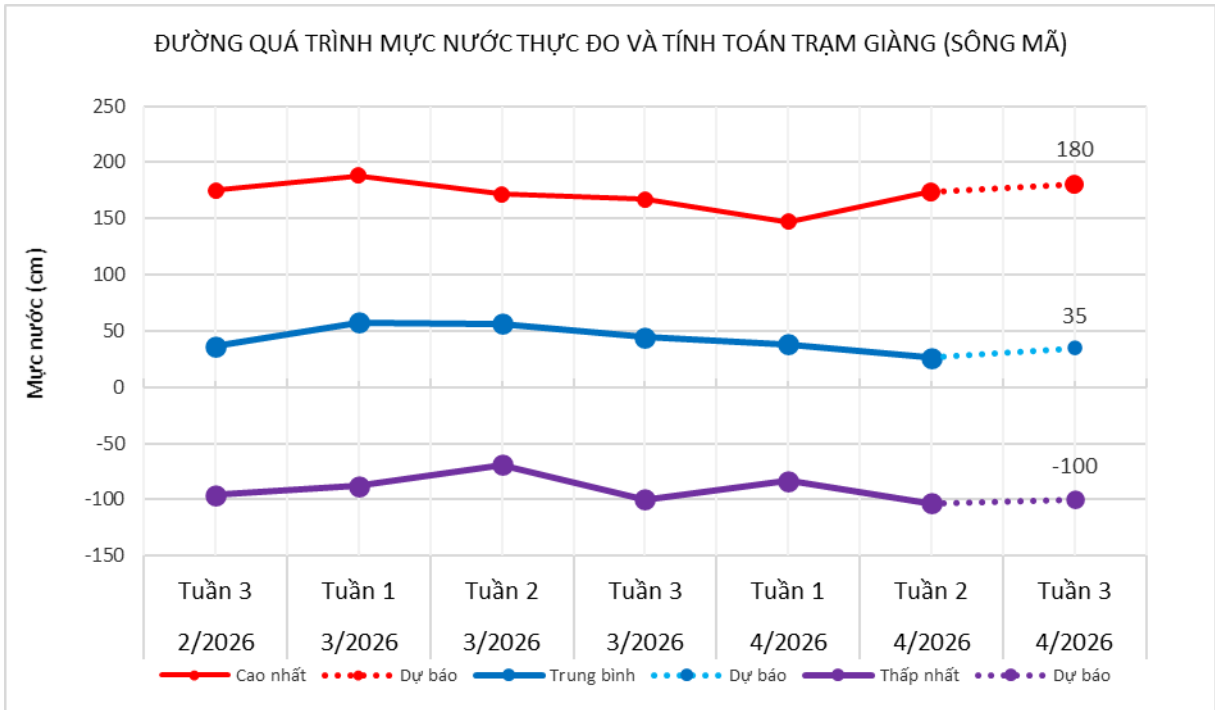
- Các sông từ Thanh Hóa đến Hà Tĩnh: Trong tuần, mực nước thượng lưu các sông biến đổi chậm; trung lưu dao động theo điều tiết hồ chứa; hạ lưu biến đổi theo triều.

- Các sông từ Quảng Trị đến TP Huế: Mực nước trên các sông biến đổi chậm.

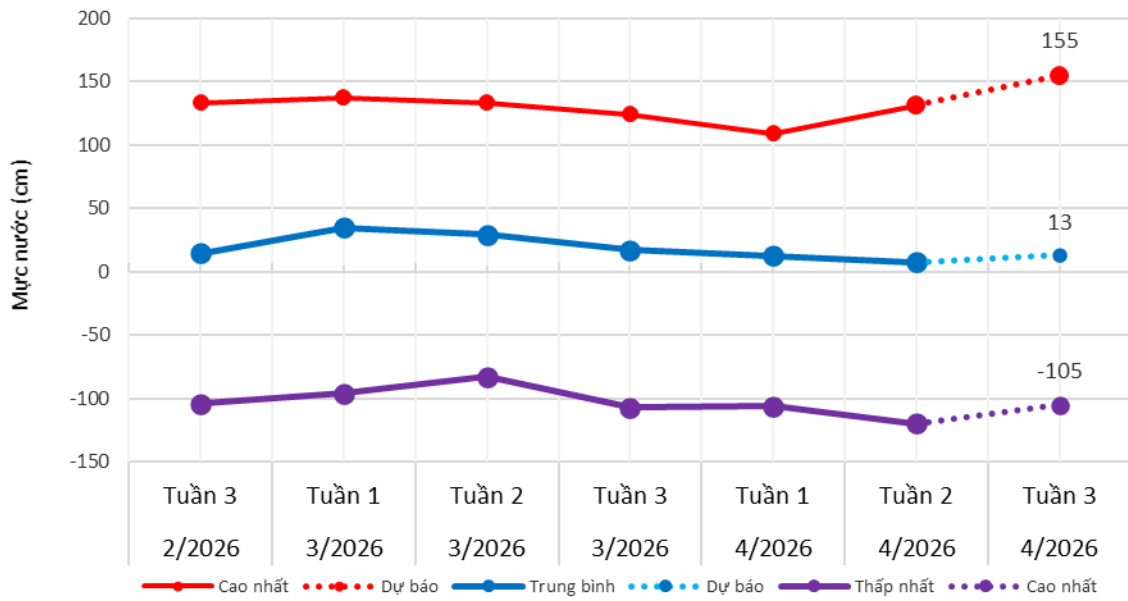
#### b. Dự báo, cảnh báo

- Các sông từ Thanh Hóa đến Hà Tĩnh: Trong những ngày tới, thượng lưu các sông biến đổi chậm; trung lưu dao động theo điều tiết hồ chứa; hạ lưu biến đổi theo triều.

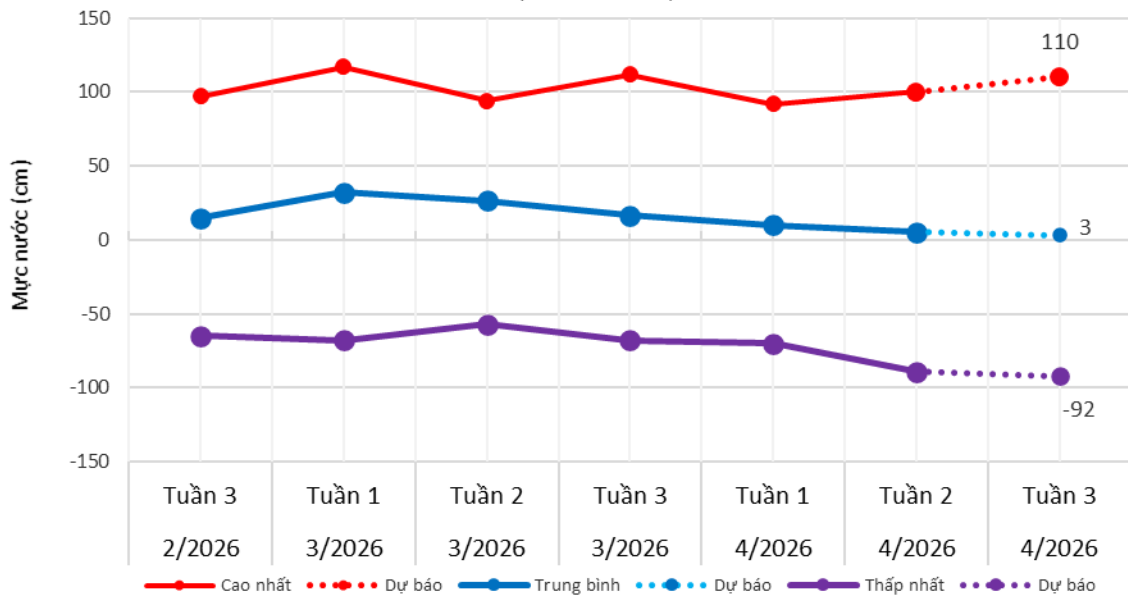
- Các sông từ Quảng Trị đến TP Huế: Mức nước trên các sông biến đổi chậm.

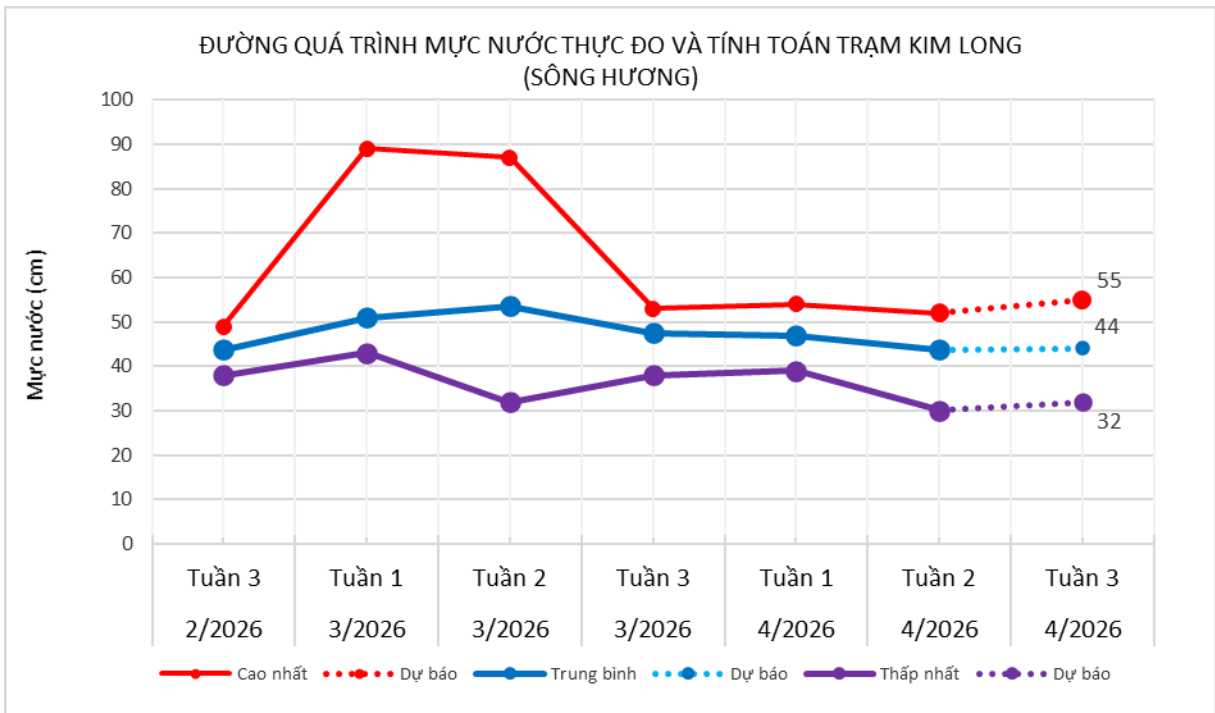


ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỨC NƯỚC THỰC ĐO VÀ TÍNH TOÁN TRẠM LINH CẨM (SÔNG LA)



ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỨC NƯỚC THỰC ĐO VÀ TÍNH TOÁN TRẠM MAI HÓA (SÔNG GIANH)





#### 4. Các lưu vực sông thuộc khu vực Nam Trung Bộ

##### a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

- Các sông từ Đà Nẵng đến Quảng Ngãi: Mức nước trung, thượng lưu các sông biến đổi chậm, hạ lưu các sông dao động theo điều tiết hồ chứa.

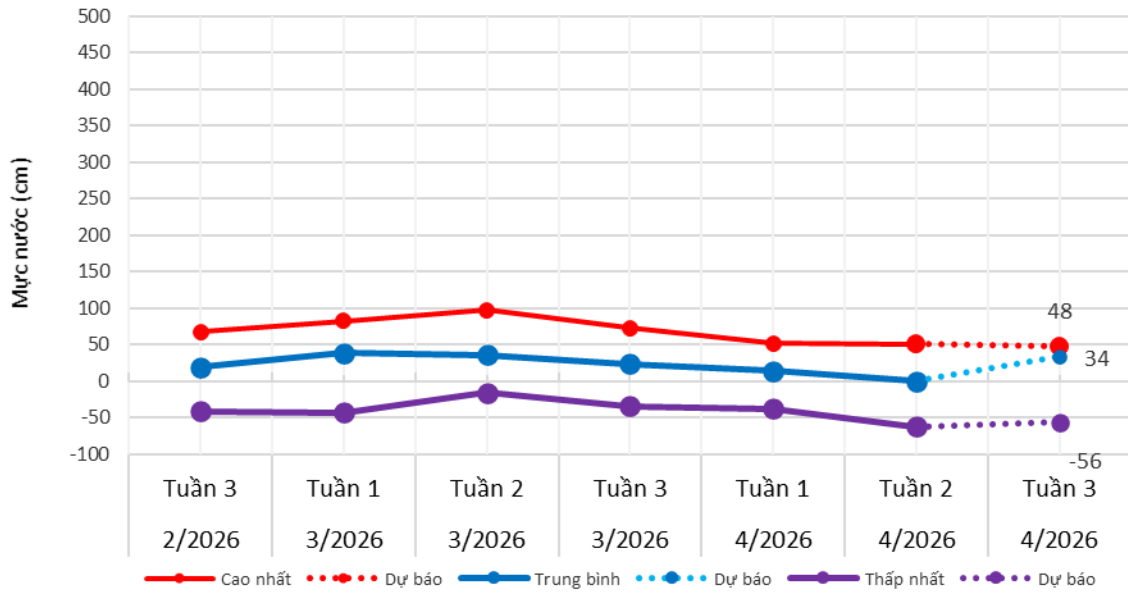
- Các sông từ Gia Lai đến Lâm Đồng: Mức nước trên các sông biến đổi chậm. Mức nước hạ lưu sông Kôn tại trạm Thạnh Hòa dao động theo điều tiết của đập thủy lợi, hạ lưu sông Ba dao động theo điều tiết của hồ chứa và thủy triều.

##### b. Dự báo, cảnh báo

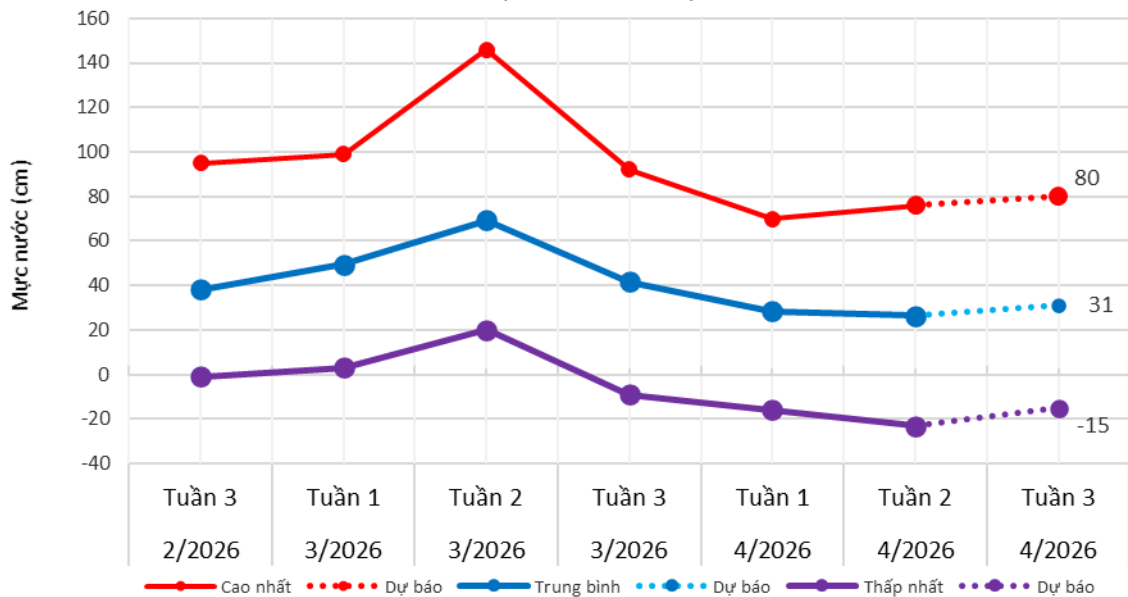
- Các sông từ Đà Nẵng đến Quảng Ngãi: Mức nước trung, thượng lưu các sông biến đổi chậm, hạ lưu các sông dao động theo điều tiết hồ chứa.

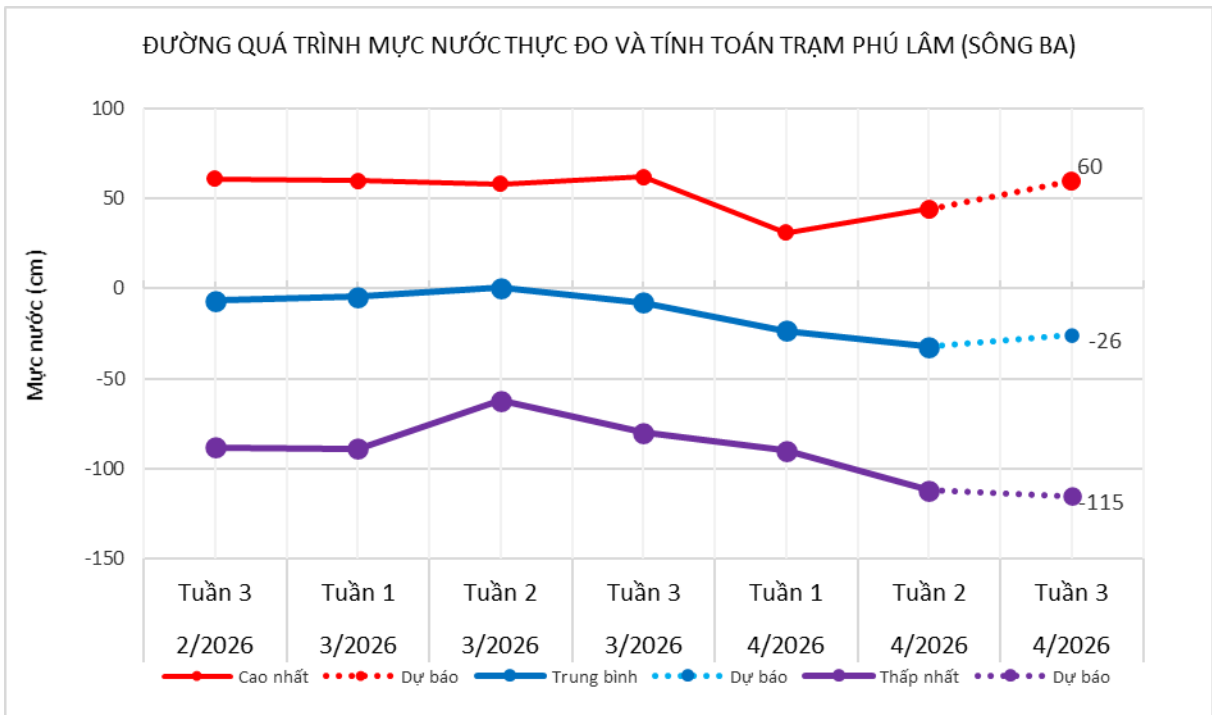
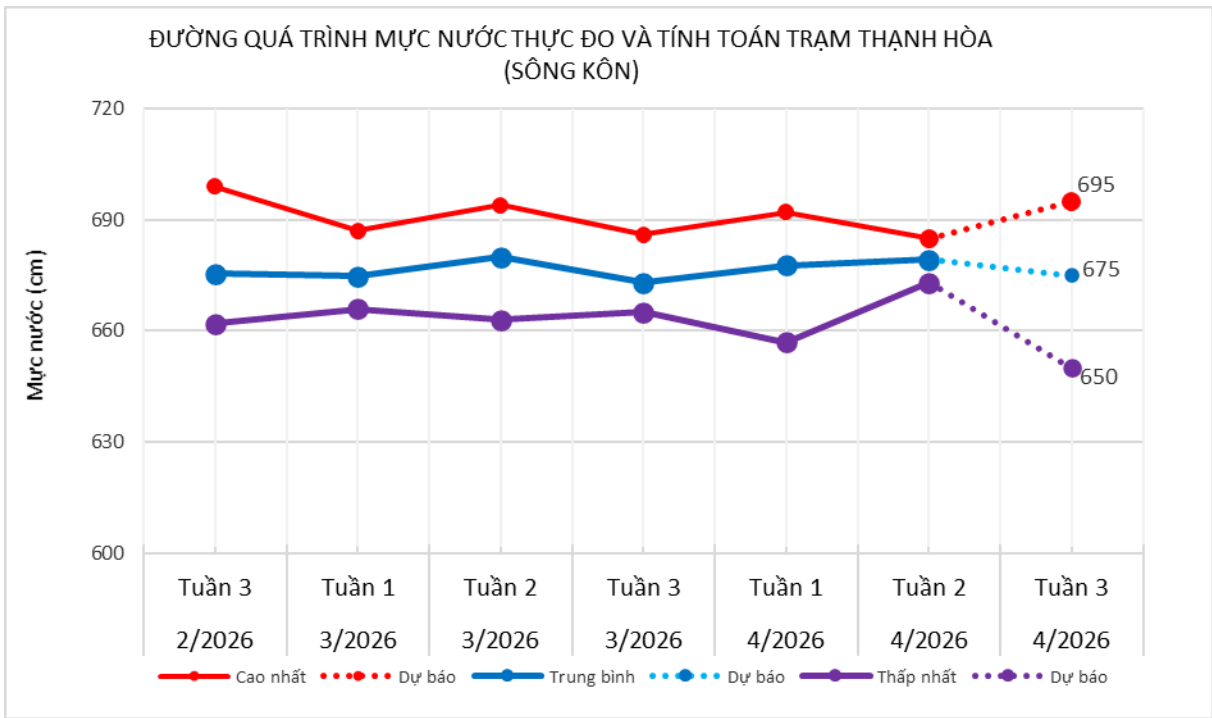
- Các sông từ Gia Lai đến Lâm Đồng: Mức nước trên các sông tiếp tục biến đổi chậm. Mức nước hạ lưu trên sông Kôn tại trạm Thạnh Hòa dao động theo điều tiết của đập thủy lợi, hạ lưu sông Ba dao động theo điều tiết của hồ chứa và thủy triều.

ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỨC NƯỚC THỰC ĐO VÀ TÍNH TOÁN TRẠM CẦU LẬU (SÔNG THU BỒN)



ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỨC NƯỚC THỰC ĐO VÀ TÍNH TOÁN TRẠM TRÀ KHÚC (SÔNG TRÀ KHÚC)





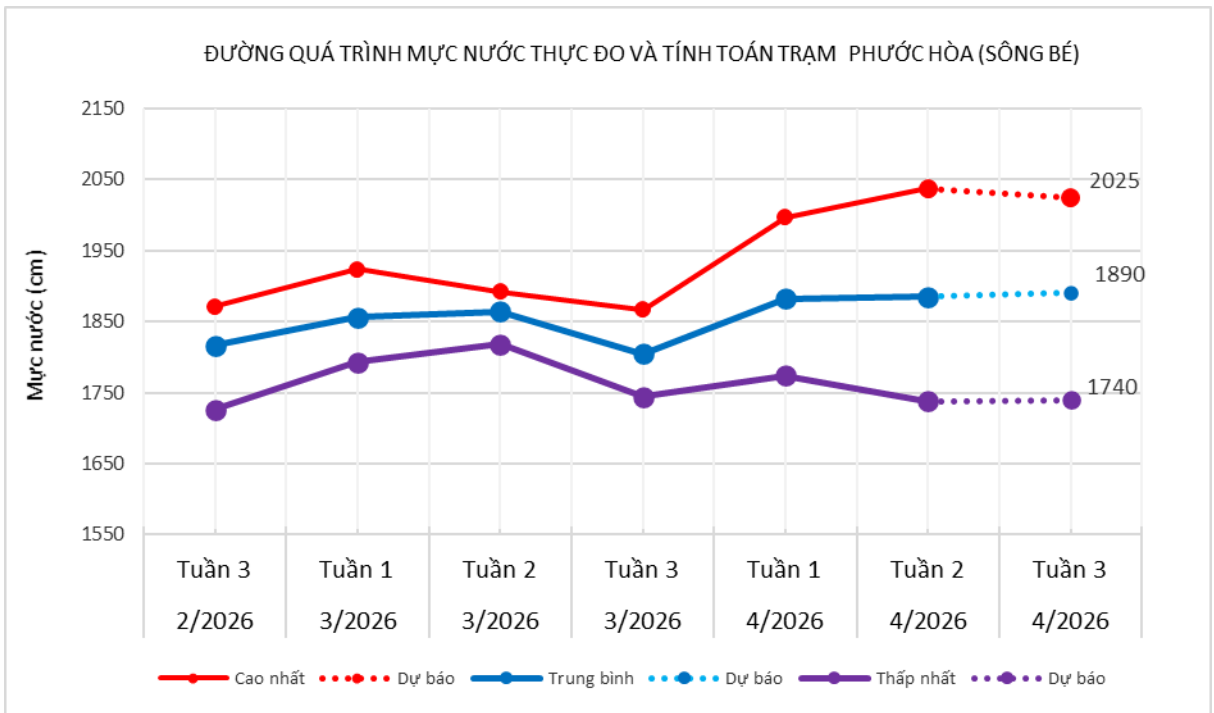
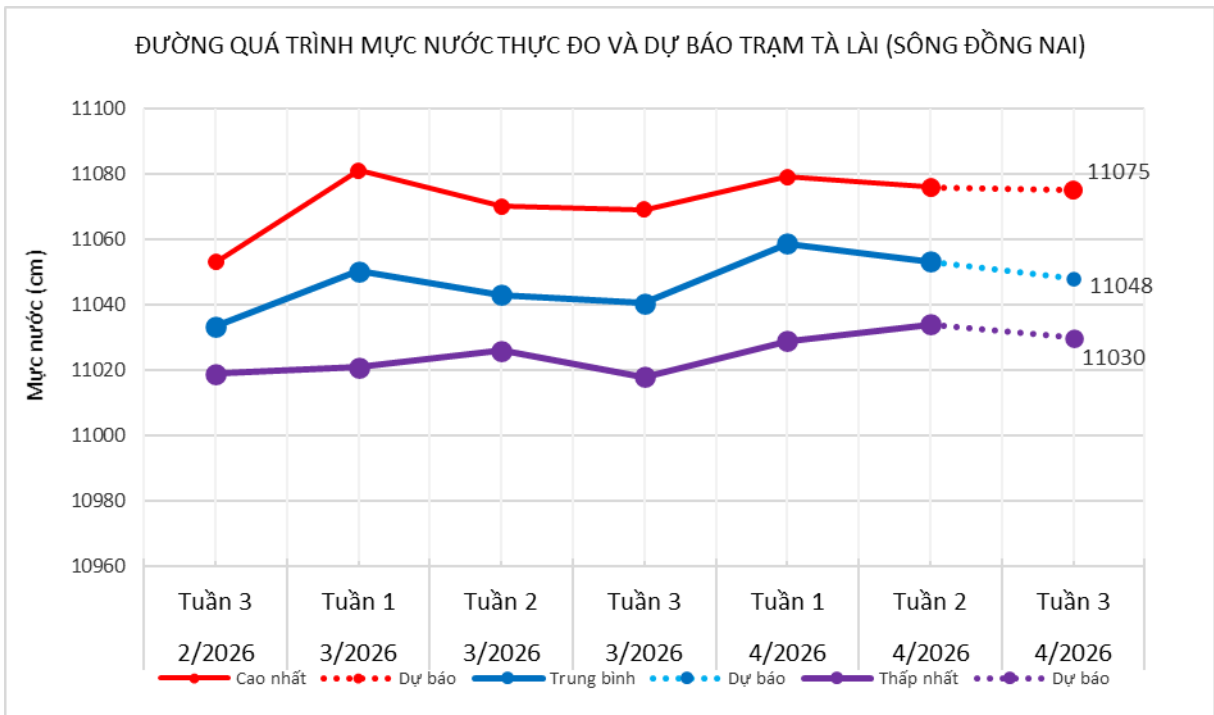
## 5. Các lưu vực sông thuộc khu vực Đông Nam Bộ

### a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước trên sông Đồng Nai và trên sông Bé dao động theo điều tiết của thủy điện tuyến trên.

### b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước trên sông Đồng Nai sẽ biến đổi chậm, sông Bé tiếp tục dao động theo điều tiết của thủy điện tuyến trên.



## 6. Lưu vực sông Mê Công

### a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

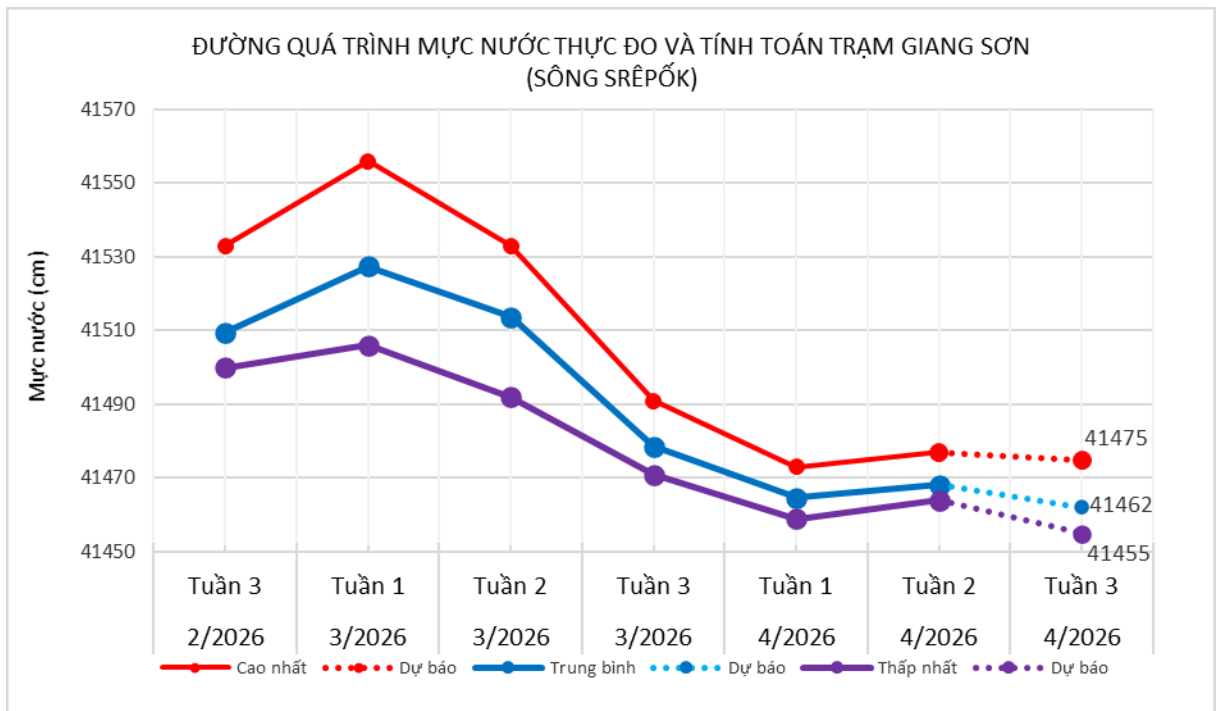
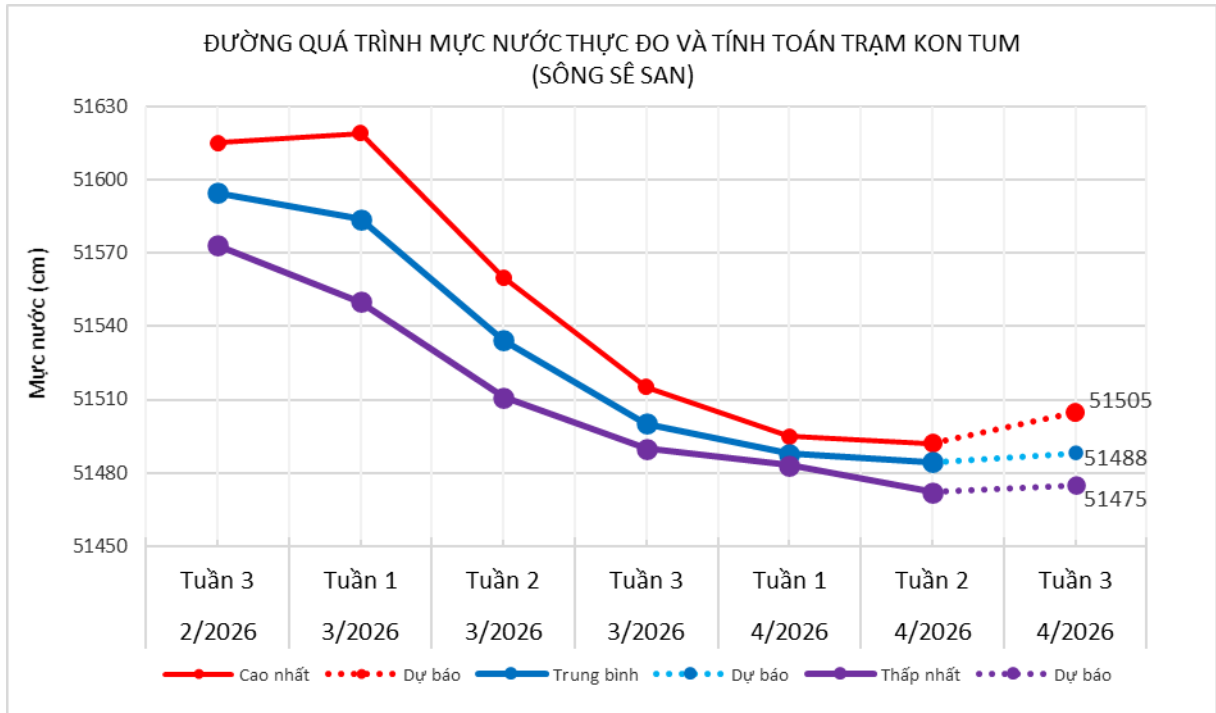
- Hệ thống sông Sê San - Srêpôk: Mức nước trên sông Krông Ana tại trạm Giang Sơn biến đổi chậm, mức nước các sông khác dao động theo vận hành của hồ chứa thủy điện và các công trình thủy lợi.

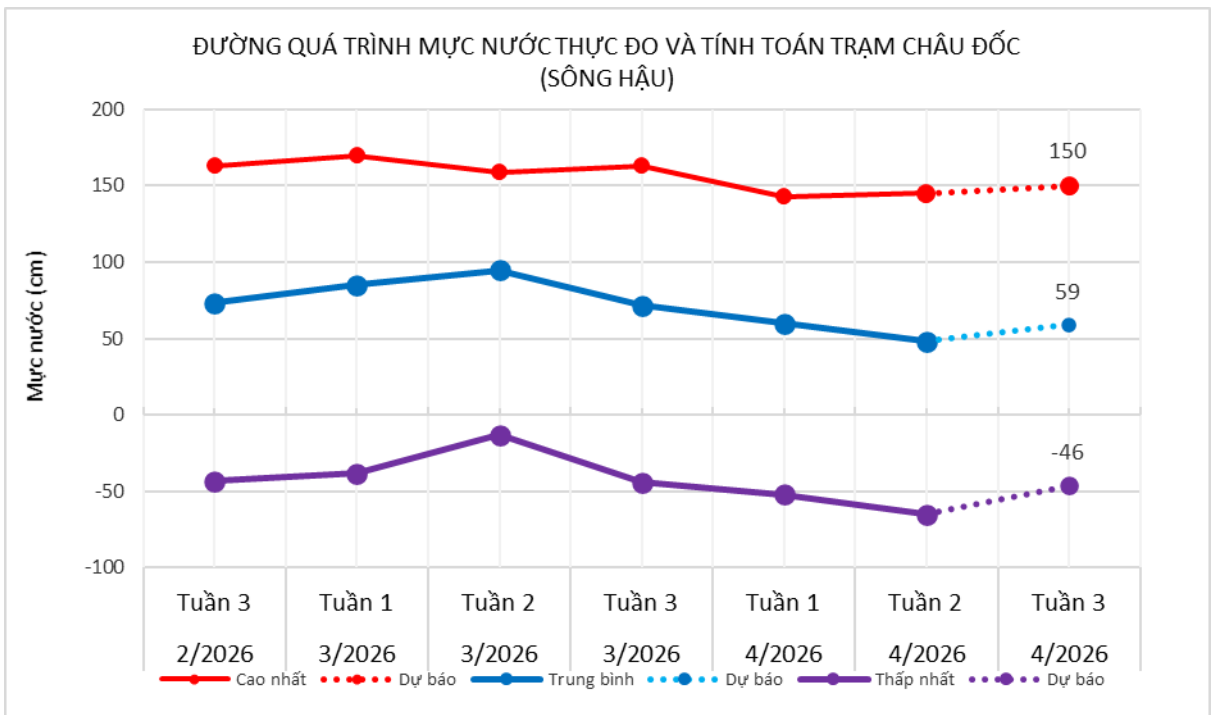
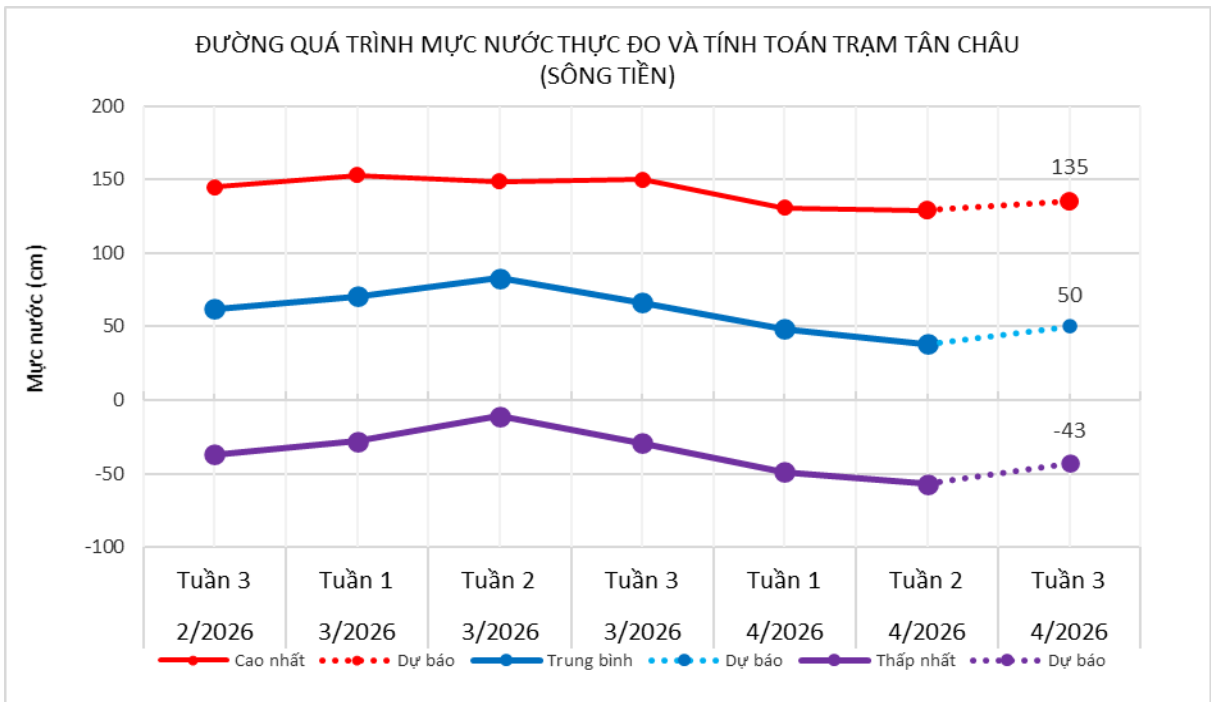
- Sông Cửu Long: Mức nước đầu nguồn sông Cửu Long dao động theo thủy triều. Mức nước cao nhất trên sông Tiền tại trạm Tân Châu 1,29m là (ngày 20/4), trên sông Hậu tại trạm Châu Đốc 1,45m (ngày 20/4).

**b. Dự báo, cảnh báo**

- Hệ thống sông Sê San - Srêpôk: Mức nước trên các sông phổ biến dao động theo vận hành hồ chứa thủy điện. Mức nước trên sông Krông Ana tại trạm Giang Sơn biến đổi chậm theo xu thế xuống dần.

- Sông Cửu Long: Mức nước đầu nguồn sông Cửu Long dao động theo triều. Trong 10 ngày tới, mức nước cao nhất tại Tân Châu ở mức 1,35m, tại Châu Đốc ở mức 1,50m. Trong 05 ngày tiếp theo, mức nước đầu nguồn sông Cửu Long biến đổi theo triều.





**Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 15h00 ngày 01/05/2026**

**Tin phát lúc: 15h00**

**Người chịu trách nhiệm  
ban hành bản tin**

**Phùng Tiến Dũng**

**Phụ lục**

**Phụ lục 1: Bảng mực nước, lưu lượng thực đo và dự báo các trạm**

Sông	Trạm	Thực đo			Dự báo								
					5 ngày đầu			5 ngày sau			10 ngày		
		Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất	Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất	Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất	Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất
Sông Đà	Hòa Bình (Q)	995	2807	40	880	2350	250	920	2450	40	900	2450	40
Thao	Yên Bái	2293	2312	2284	2290	2340	2260	2310	2350	2270	2300	2350	2260
Thao	Phú Thọ	1040	1091	1014	1050	1090	1010	1060	1100	1020	1055	1100	1010
Lô	Tuyên Quang	1290	1480	1116	1280	1490	1125	1290	1480	1110	1285	1490	1110
Lô	Vụ Quang	526	654	416	500	650	420	520	640	410	510	650	410
Cầu	Đáp Cầu	60	119	14	60	130	15	60	130	15	60	130	15
Thương	Phủ Lạng Thương	52	126	-8	52	140	-5	50	135	-5	51	140	-5
Lục Nam	Lục Nam	44	125	-18	42	140	-15	40	135	-20	41	140	-20
Hồng	Hà Nội	133	182	71	130	185	70	120	170	80	125	185	70
Thái Bình	Phả Lại	58	139	-4	55	150	-5	52	140	-5	54	150	-5
Mã	Giàng	26	174	-103	36	180	-100	34	155	-80	35	180	-100
Cả	Nam Đàn	20	140	-79	30	160	-85	26	125	-60	28	160	-85
La	Linh cảm	8	131	-120	15	155	-105	11	115	-90	13	155	-105
Gianh	Mai Hóa	5	100	-89	8	110	-92	-2	65	-68	3	110	-92
Hương	Kim Long	44	52	30	40	48	32	48	55	38	44	55	32
Thu Bồn	Câu Lâu	28	51	-62	35	48	-56	32	38	-48	34	48	-56

Sông	Trạm	Thực đo			Dự báo								
					5 ngày đầu			5 ngày sau			10 ngày		
		Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất	Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất	Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất	Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất
Trà Khúc	Trà Khúc	26	76	-23	30	80	-15	32	65	-10	31	80	-15
Kôn	Thanh Hòa	679	685	673	675	690	660	675	695	650	675	695	650
Đà Rằng	Phú Lâm	-32	44	-112	-30	55	-115	-22	60	-105	-26	60	-115
Đăkbla	Kon Tum	51485	51492	51472	51487	51500	51475	51489	51505	51480	51488	51505	51475
Krông Ana	Giang Sơn	41468	41477	41464	41463	41475	41460	41460	41470	41455	41462	41475	41455
Đồng Nai	Tà Lài	11053	11076	11034	11050	11075	11035	11045	11070	11030	11048	11075	11030
Bé	Phước Hòa	1885	2037	1738	1895	1980	1745	1885	2025	1740	1890	2025	1740
Tiền	Tân Châu	38	129	-57	50	135	-43	50	130	-25	50	135	-43
Hậu	Châu Đốc	48	145	-65	58	150	-46	60	145	-30	59	150	-46